

Số: /TTr-BKHCN Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Nghị quyết số 55/2024/UBTVQH15 ngày 28/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, Thông báo số 339/TB-VPCP ngày 20/7/2024 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thường trực Chính phủ, Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 13/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ hồ sơ Dự án Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Trong thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp tập trung vào đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước; đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST); nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN; thu hút đầu tư từ xã hội để phát triển KH,CN&ĐMST; nâng cao hiệu quả, tính tự chủ cho các tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KH&CN; phát triển đội ngũ trí thức cần được thể chế hóa đầy đủ vào nội dung Luật KH,CN&ĐMST, cụ thể như sau:

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên KH,CN&ĐMST.

- Về quan điểm chỉ đạo: “Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững”.

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: “Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo,

nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững”.

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định KH,CN&ĐMST cùng với phát triển toàn diện nguồn nhân lực là một trong các đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Về quan điểm phát triển: *“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.”*. Về đột phá chiến lược: *“Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam.”*. Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới.”*

c) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định: *“Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất kinh doanh”*; *“Rà soát, sửa đổi các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hình thành quỹ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KH&CN đủ lớn để đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ. Áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ.”*

d) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo; Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo.”*

đ) Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021-2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải cacbon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.”*

e) Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức; đổi mới công tác quản lý khoa học, công nghệ; chú trọng hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp thu và truyền bá tri thức tiên tiến. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở giáo dục đại học trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học; nghiên cứu, sửa đổi tuổi lao động phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức. Đổi mới, nâng cao hiệu quả việc đánh giá, công nhận các chức danh khoa học; rà soát, hoàn thiện hệ thống giải thưởng nhà nước, giải thưởng ngành, lĩnh vực và các chính sách tôn vinh khác đối với đội ngũ trí thức.”*

g) Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định một trong sáu nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện là: *“Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ”*.

h) Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa,

hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *“Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tạo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, đấu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ; chính sách xã hội hoá. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, chính sách vượt trội, cơ chế thử nghiệm chính sách mới, rủi ro nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng, chuyển giao các lĩnh vực khoa học, công nghệ có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mới và chuyển đổi số; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu”*.

i) Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV có nội dung: *“Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo.”*

k) Ngoài các văn bản nêu trên, nhiều Nghị quyết của Đảng liên quan đến đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, sắp xếp và nâng cao tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, thúc đẩy phát triển KH, CN & ĐMST cần được tiếp tục thể chế hóa trong nội dung của Luật KH, CN & ĐMST (sửa đổi).

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng tại các văn bản nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy có nhiều nội dung chưa được thể chế hóa trong Luật KH & CN hiện hành. Do vậy, cần nghiên cứu để cập nhật vào các nội dung của Luật KH & CN (sửa đổi).

1.2. Cơ sở pháp lý

a) Hiến pháp 2013 tại Điều 62 quy định:

“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

3. *Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.*”

b) Sau khi Luật KH&CN 2013 được ban hành, đã có nhiều đạo luật chuyên ngành lần lượt ra đời và điều chỉnh các các giai đoạn khác nhau trong chu trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ), hoặc hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học (Luật Giáo dục đại học) và một phần hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Trong đó, nhiều quy định chưa đồng bộ với các nội dung của Luật KH&CN 2013, nên cần nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

c) Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch.”*

d) Kế hoạch số 81-KH/UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó có nội dung nghiên cứu, rà soát Luật Khoa học và Công nghệ, đề xuất đưa vào Chương trình năm 2022-2025.

đ) Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Kết luận 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, rà soát Luật KH&CN, xem xét đưa vào Chương trình năm 2022-2025.

Để phát triển ngành KH&CN, hoàn thiện các chính sách cụ thể hóa quy định của Hiến pháp và thực hiện nhiệm vụ được giao tại các văn bản nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất sửa đổi toàn diện Luật KH&CN 2013, xây dựng Luật KH,CN&ĐMST.

2. Cơ sở thực tiễn

Quá trình triển khai thi hành Luật KH&CN 2013 cho thấy pháp luật hiện hành có một số nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn nhằm phát triển khoa học công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể là:

Thứ nhất, nền kinh tế nước ta đang chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với mô hình tăng trưởng dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao và yếu tố động lực của KH,CN&ĐMST ngày càng rõ nét đòi hỏi nhà nước cần có các cơ chế, chính sách phục vụ cho mục đích này. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định đủ cơ chế thu hút, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho KH,CN&ĐMST.

Thứ hai, các tác động của hội nhập sâu rộng và toàn diện của Việt Nam trong một thế giới phát triển mạnh mẽ, đột biến, nhất là về KH,CN&ĐMST đòi hỏi các hành lang pháp lý; cơ chế chính sách phải được điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn.

Thứ ba, các làn sóng công nghệ mới phát triển nhanh chóng, mãnh liệt đòi hỏi Chính phủ các nước phải luôn sẵn sàng điều chỉnh chính sách và thích ứng kịp thời.

Thứ tư, nhiều nội dung xuất phát từ tình hình thực tiễn hoặc là thông lệ quốc tế trong hoạt động KH&CN chưa được bổ sung, cập nhật vào Luật KH&CN 2013 như:

- Triển khai nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp, liên quan tới an toàn, an ninh quốc gia; sức khỏe, tính mạng của người dân; các thảm họa thiên nhiên đe dọa môi trường sống của con người, các loài động, thực vật và hệ sinh thái.

- Vấn đề đo lường kết quả, đánh giá hiệu quả và tác động của KH&CN phục vụ công tác kế hoạch, điều phối, cấp phát kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Vấn đề khoa học mở là xu thế được UNESCO khuyến nghị từ năm 2021. Để triển khai thực hiện, cần nghiên cứu giải pháp tăng cường trao đổi thông tin, thông qua hệ thống quản lý và chia sẻ dữ liệu nghiên cứu KH&CN dùng chung.

- Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu, trong đó quan trọng nhất là yêu cầu về bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, quyền con người trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt là các công nghệ liên quan đến nhân bản vô tính, chỉnh sửa gen người, trí tuệ nhân tạo...; tính trung thực, khách quan và liêm chính học thuật.

- Vấn đề thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp như một lực lượng chủ lực trong nghiên cứu ứng dụng và đổi mới công nghệ chưa được quan tâm thỏa đáng.

- Vấn đề thúc đẩy hoạt động sáng kiến, sáng tạo của người dân thông qua các hoạt động truyền bá tri thức, nuôi dưỡng văn hóa ĐMST, văn hóa tôn trọng khoa học, văn hóa sở hữu trí tuệ; việc ghi nhận và tôn vinh; các thiết chế thúc đẩy truyền bá, cổ vũ sáng tạo như bảo tàng khoa học chưa có quy định hoặc chỉ dừng ở một số nội dung chưa cụ thể, rõ ràng để triển khai trong thực tiễn.

Thứ năm, những quy định chưa phù hợp trong Luật KH&CN 2013:

- Vấn đề giao quyền sở hữu kết quả KH&CN có sử dụng NSNN cho cơ quan chủ trì theo cơ chế tự động: Nghị quyết Trung ương 20-NQ/TW và Luật KH&CN 2013 tuyên bố nguyên tắc mở về trao quyền học hỏi theo tinh thần luật Bayh-Dole của Hoa Kỳ 1981 và các nước Nhật Bản, Hàn Quốc. Tuy nhiên, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật KH&CN 2013 những năm qua yêu cầu phải thông qua cơ chế xin phép đại diện chủ sở hữu nhà nước là Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022 đã có quy định về trao tự động quyền đăng ký xác lập quyền đối với kết quả KH&CN là đối tượng quyền sở hữu công nghiệp. Luật KH&CN (sửa đổi) cần nghiên cứu, bổ sung quy định giao quyền sử dụng đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

- Vấn đề đặt hàng nhiệm vụ KH&CN từ các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố gắn với trách nhiệm triển khai ứng dụng các kết quả KH&CN chưa phù hợp vì không phải kết quả nào cũng có thể ứng dụng ngay mà phải trải qua quá trình hoàn thiện thành sản phẩm để có đủ điều kiện đưa ra thị trường. Đồng thời, doanh nghiệp là chủ thể trung tâm và chủ đạo trong ứng dụng các kết quả KH&CN, biến các kết quả này trở thành sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng, tạo ra của cải, vật chất cho xã hội.

- Vấn đề tập trung nguồn lực chủ yếu cho các chương trình KH&CN để tạo ra tri thức (hệ thống các chương trình KH&CN trọng điểm, chương trình quốc gia về KH&CN, nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở), nhưng chưa quan tâm bố trí đủ nguồn lực thỏa đáng cho các chương trình ứng dụng tri thức (nhân rộng, thương mại hóa, đổi mới sáng tạo, tiếp cận thị trường, trung gian tư vấn - kết nối, nâng cao năng lực; khởi nghiệp sáng tạo;...) và lan tỏa, truyền bá tri thức (thông qua phát triển các tạp chí, viện bảo tàng, cơ sở dữ liệu mở về KH&CN).

- Vấn đề phân cấp, phân quyền trong quản lý hoạt động KH&CN (trao quyền tự chủ cho tổ chức KH&CN công lập; phân cấp quản lý các chương trình

KH&CN quốc gia giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ chuyên ngành; giữa Trung ương và địa phương; giữa các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp cơ sở ở viện nghiên cứu/trường đại học) cần được quy định rõ ràng về quyền và trách nhiệm; tập trung rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong triển khai nhiệm vụ KH&CN.

Quá trình tổng kết triển khai thi hành Luật KH&CN 2013, bên cạnh những nguyên nhân xuất phát từ công tác tổ chức triển khai, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan cũng như nguyên nhân khách quan từ bối cảnh trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi, tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy có một số nguyên nhân từ các quy định của Luật KH&CN 2013, cần được nghiên cứu để sửa đổi, hoàn thiện, cụ thể là:

Thứ nhất, chưa cập nhật được những vấn đề mới khi KH&CN trong nước và thế giới phát triển quá nhanh, nhất là trong khoảng 5 năm gần đây, đặc biệt trong là các công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: trí tuệ nhân tạo (AI); điện toán đám mây (Cloud computing); công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT); công nghệ thực tại ảo (Virtual reality); thực tại tăng cường (Augmented reality) và thực tại trộn (Mixed reality),...

Thứ hai, một số vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đặc biệt là hoạt động ĐMST, cũng như các quan hệ kinh tế - xã hội liên quan tới lĩnh vực này chưa được cập nhật để điều chỉnh một cách kịp thời, đồng bộ.

Thứ ba, một số nội dung trong Luật KH&CN 2013 mới dừng ở nguyên tắc chung, chưa được xác định một cách cụ thể, dẫn đến khó hoặc chậm đi vào cuộc sống như Điều 3 Luật KH&CN 2013 đã quy định về các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến hoạt động KH&CN, tuy nhiên nội hàm các thuật ngữ nêu trên chưa làm rõ kết quả của từng loại hình hoạt động KH&CN phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế.

Thứ tư, chưa thể chế hóa được các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển KH&CN, phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn phát triển KH&CN, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, như nội dung: “Tập trung phát triển một số tổ chức KH&CN đạt trình độ khu vực và thế giới” tại Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thứ năm, khi xây dựng Luật KH&CN 2013, các chủ thể tham gia hoạt động KH&CN chủ yếu đến từ khu vực viện nghiên cứu, trường đại học công

lập. Hoạt động đổi mới, ứng dụng công nghệ, thương mại hóa sản phẩm KH&CN, nhất là trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành xu thế phổ biến. Vấn đề liên quan tới doanh nghiệp - chủ thể quan trọng nhất trong hoạt động đổi mới sáng tạo - ứng dụng, thương mại hóa kết quả KH&CN để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, tạo ra giá trị gia tăng và của cải, vật chất cho xã hội dù đã được đề cập trong Luật đang dừng ở nguyên tắc chung. Trong giai đoạn hiện nay, các chủ thể tham gia phát triển và ứng dụng KH&CN có sự tham gia mạnh mẽ của doanh nghiệp. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (NSNN), ngày càng xuất hiện nhiều nguồn lực đầu tư từ xã hội cho KH, CN & ĐMST.

Căn cứ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn cũng như nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật KH&CN 2013, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy cần nghiên cứu và sửa đổi toàn diện Luật KH&CN.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật KH, CN & ĐMST

Xây dựng Luật KH, CN & ĐMST để tác động một cách tích cực, hiệu lực và hiệu quả tới các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ theo cách tiếp cận toàn diện của hệ thống ĐMST quốc gia, thúc đẩy cả ba chức năng tạo ra tri thức, ứng dụng tri thức và truyền bá tri thức mạnh mẽ hơn trong đời sống xã hội và đóng góp cho nhân loại. Từ đó, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh, an toàn cho quốc gia, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đưa KH, CN & ĐMST thực sự trở thành động lực để hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đạt mục tiêu kép của quốc gia vào năm 2030¹ và 2045² như Đại hội XIII đã đề ra.

2. Quan điểm xây dựng Luật KH, CN & ĐMST

a) Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về KH, CN & ĐMST; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về KH, CN & ĐMST. Đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, nhất là trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN.

¹ Đến 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

² Đến 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

b) Kế thừa các quy định của Luật KH&CN 2013 còn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với thực tiễn phát triển KH&CN của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

c) Ban hành các chính sách mới thông qua các quy định cụ thể, tạo cơ sở pháp lý để phát triển nhanh, bền vững KH&CN, bắt kịp với sự phát triển KH&CN của thế giới.

d) Mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật sang khu vực ngoài công lập để thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, đóng góp ngày càng hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Bổ sung hoạt động ĐMST (thực chất là các hoạt động thúc đẩy ứng dụng, thương mại hóa, biến kết quả KH&CN thành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, mang lại giá trị gia tăng cho đời sống, xã hội, người dân).

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật bao gồm tổ chức, cá nhân hoạt động KH, CN & ĐMST tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Các đối tượng, chủ thể chịu sự tác động trực tiếp của Luật này được dự kiến bổ sung như sau:

- Bổ sung đối tượng tham gia hoạt động ĐMST. Bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST của các cơ sở giáo dục đại học để thể hiện đúng vai trò là chủ thể chính của hệ thống ĐMST quốc gia trong hoạt động tạo ra tri thức và cung cấp dịch vụ tri thức cho xã hội, doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò then chốt của doanh nghiệp trong chuỗi hoạt động từ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa kết quả KH&CN cho tới sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là kết quả KH&CN; từ đó, có các giải pháp thúc đẩy phù hợp.

- Doanh nghiệp là trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh trong chuyển dịch hệ thống ĐMST quốc gia gắn với việc tái cân đối nguồn lực cả từ ngân sách nhà nước (NSNN) và nguồn lực xã hội đủ để thực hiện có hiệu quả định hướng chính sách này.

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo với đầy đủ các đối tượng thuộc mọi thành phần kinh tế; tạo sự thuận lợi, hấp dẫn hơn, cạnh tranh được với khu vực và quốc tế, có năng lực thúc đẩy kết nối, hợp tác đối tác mạnh hơn ở trong nước và với các hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo năng động khác trên thế giới; đạt mục tiêu khuyến khích sự ra đời và phát triển mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thế hệ mới, dựa trên công nghệ, có tiềm năng tăng trưởng nhanh, khẳng định được vị trí trên thị trường trong nước và vươn ra quốc tế, có thể trở thành các doanh nghiệp trưởng thành lớn mạnh trong tương lai.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

1. Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập dự án Luật KH,CN&ĐMST với sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, viện nghiên cứu, đại học tại Quyết định số 3098/QĐ-BKHHCN ngày 27/11/2024.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn đến các bộ, ngành, địa phương đề nghị góp ý cho dự án Luật.

Hồ sơ dự án Luật đã được gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ (từ ngày ... đến ngày ...).

Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của ... cơ quan, gồm: ... ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; hai Đại học Quốc gia; ... ý kiến của UBND tỉnh, phố trực thuộc Trung ương. Trong tổng số ... ý kiến đã nhận được, có ... ý kiến hoàn toàn nhất trí với hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật. Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ Khoa học và Công nghệ nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật KH,CN&ĐMST.

3. Ngày ..., Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số .../BKHCN-PC đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự án Luật.

Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số ... ngày ...

4. Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và đã trình Chính phủ dự án Luật KH,CN&ĐMST (Tờ trình số .../TTr-BKHHCN ngày ...).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật KH,CN&ĐMST gồm 14 chương và 146 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung, gồm 15 điều (từ Điều 1 đến Điều 15).

Chương II. Tổ chức khoa học và công nghệ, gồm 22 điều (từ Điều 16 đến Điều 37).

Chương III. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 11 điều (từ Điều 38 đến Điều 48).

Chương IV. Đầu tư và tài chính phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 19 điều (từ Điều 49 đến Điều 67).

Chương V. Hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 03 điều (Điều 68 và Điều 70).

Chương VI. Thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 04 điều (từ Điều 71 đến Điều 74).

Chương VII. Tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm 27 điều (từ Điều 75 đến Điều 101).

Chương VIII. Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, gồm 08 điều (từ Điều 102 đến Điều 109).

Chương IX. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả KH&CN và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, gồm 08 điều (từ Điều 110 đến Điều 117).

Chương X. Chính sách về phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, gồm 08 điều (từ Điều 118 đến Điều 125).

Chương XI. Phổ biến, lan tỏa tri thức KH,CN&ĐMST, gồm 10 điều (từ Điều 126 đến Điều 135).

Chương XII. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST, gồm 03 điều (từ Điều 136 đến Điều 138).

Chương XIII. Trách nhiệm quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 04 điều (Điều 139 đến Điều 142).

Chương XIV. Điều khoản thi hành, gồm 04 điều (Điều 143 đến Điều 146).

2. Nội dung cơ bản của Luật

a) Những nội dung chính, quan trọng được kế thừa từ Luật KH&CN 2013

** Quy định về cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KH&CN*

Một trong những điểm nổi bật của Luật KH&CN năm 2013 là xác định rõ trách nhiệm đề xuất đặt hàng và tiếp nhận, tổ chức ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Qua cơ chế

đặt hàng, nhiệm vụ được triển khai xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương và vùng.

** Hội nhập quốc tế về KH&CN*

Nội dung về hội nhập quốc tế được quy định thành 1 chương (từ Điều 70 đến Điều 72) trong Luật KH&CN năm 2013. Triển khai quy định của Luật KH&CN năm 2013, đến nay, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác về KH&CN với hơn 70 nước, tổ chức quốc tế và vùng lãnh thổ; hơn 150 hiệp định, thỏa thuận hợp tác KH&CN. Trong đó, riêng trong giai đoạn 2011-2020, đã có 25 điều ước quốc tế (cấp Chính phủ) và thỏa thuận quốc tế (cấp Bộ) về hợp tác trong lĩnh vực KH&CN được ký kết. Việc tham gia vào các diễn đàn đa phương về KH&CN được thúc đẩy trên tinh thần chủ động, tích cực, trách nhiệm, đóng góp tích cực vào hoạt động chung, tranh thủ thúc đẩy quan hệ song phương với các nước thành viên của tổ chức; dần trở thành đối tác hợp tác bình đẳng và cùng có lợi trong các quan hệ hợp tác quốc tế song phương và đa phương về KH&CN. Các hoạt động hợp tác quốc tế đã giúp tăng cường năng lực nghiên cứu, nâng cao tiềm lực và đào tạo nhân lực nghiên cứu KH&CN cho Việt Nam.

** Giải thưởng về KH&CN*

Để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật KH&CN năm 2013 và Luật Thi đua - Khen thưởng năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về KH&CN; Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 5/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP. Ngày 18/02/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 18/2024 về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về KH&CN để phù hợp với Luật Thi đua khen thưởng năm 2022.

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 (thời điểm Luật KH&CN 2013 có hiệu lực thi hành) đến năm 2022, có 49 công trình, cụm công trình được tặng Giải thưởng. Các công trình/cụm công trình đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&CN là các công trình đặc biệt xuất sắc, vừa mang tính lý luận sâu sắc vừa mang tính thực tiễn cao, có giá trị cao về KH&CN, có tác động lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng và thiết thực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và sự nghiệp phát triển KH&CN của đất nước. Bên cạnh đó, nhiều giải thưởng KH&CN do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân tổ chức đã góp phần động viên, khích lệ, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN.

b) Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ

** Đối với quản lý chương trình, nhiệm vụ KH&CN*

Luật tập trung vào việc đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính trong xét duyệt, quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý các chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia. Hoàn thiện quy định theo hướng Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối tổng hợp các chương trình KH&CN quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để bảo đảm đáp ứng các mục tiêu chung của chương trình KH&CN quốc gia, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST quốc gia. Đối với một số chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia sẽ giao cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì triển khai và quản lý sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở việc tổng hợp, ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ. Làm rõ, đổi mới cách thức triển khai theo hai phương thức: do Nhà nước đặt hàng và do tổ chức, cá nhân đề xuất trên cơ sở định hướng lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước để có cơ chế giao kết quả phù hợp, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN.

- Hoàn thiện quy định về giao quyền kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN cho tổ chức chủ trì để khai thác trong thời gian chờ cấp văn bằng bảo hộ đối với đối tượng đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng.

- Bổ sung quy định để làm rõ nội hàm, kết quả của các thuật ngữ trong Điều 3 Luật KH&CN 2013 liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; bổ sung các thuật ngữ về ĐMST, KNST để quy định các chính sách quản lý, thúc đẩy trong nội dung Luật. Bổ sung quy định, tiêu chí liên quan đến ĐMST, hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST vùng, hệ thống ĐMST ngành, KNST, doanh nghiệp KNST, hệ sinh thái KNST.

- Bổ sung nguyên tắc chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; bổ sung quy định về đạo đức nghiên cứu và trách nhiệm của các tổ chức nghiên cứu và phát triển phải ban hành và thực thi các quy định về đạo đức nghiên cứu, nhất là các nghiên cứu có ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe con người.

- Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục rút gọn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong tình thế cấp thiết, đột xuất, khẩn cấp.

- Hình thành các chương trình hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo chuỗi: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu chuyển sang giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; hỗ trợ tiền khởi nghiệp và KNST; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hợp tác với các doanh nghiệp lớn.

- Bổ sung quy định về cơ chế thử nghiệm chính sách để tạo hành lang pháp lý thử nghiệm các công nghệ mới mà pháp luật chưa có quy định hoặc cấp thử nghiệm.

- Bổ sung thêm các quy định về: đánh giá giữa kỳ đối với chương trình KH&CN làm căn cứ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình, cấp kinh phí, đánh giá hiệu quả của chương trình, điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt, gia hạn chương trình.

** Đối với phát triển tiềm lực KH&CN*

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, chỉ yêu cầu đăng ký tổ chức KH&CN đối với tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật KH&CN. Các tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật khác không phải đăng ký hoạt động KH&CN. Hoàn thiện các quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức KH&CN. Hoàn thiện quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập. Bổ sung quy định về tiêu chí, mục đích, nội dung, chủ thể đánh giá tổ chức KH&CN.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định theo hướng mở rộng phạm vi nhân lực, các chính sách ưu đãi đối với từng loại nhân lực. Tăng cường liên kết, trao đổi kinh nghiệm giữa nhân lực trong viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp.

- Đề xuất các chế độ, chính sách thu hút nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ ở Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên (công nghệ nền, công nghệ lõi, công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...).

- Cập nhật các đối tượng, bổ sung các cơ chế chính sách để huy động nguồn lực ngoài NSNN đầu tư phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST.

- Thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý và chia sẻ dữ liệu thông tin KH,CN&ĐMST. Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế.

** Đối với đầu tư, tài chính cho KH&CN*

Bổ sung các quy định để thu hút đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST; hoàn thiện quy định về quỹ phát triển KH&CN quốc gia, quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động; bổ sung một số nội dung chi cho KH&CN; làm rõ một số nội dung đã được quy định ưu đãi trong các luật thuế nhưng chưa được triển khai; rà soát, đề xuất một số chính sách ưu đãi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khi tham gia đầu tư, thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST. Bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về cấp kinh phí dự phòng triển khai nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp, cấp thiết theo quy định tại Luật NSNN.

- Đề xuất hoàn thiện quy định về chi NSNN cho KH&CN để: đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, đặc biệt là các phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất cho các tổ chức KH&CN công lập. Hình thành các chương trình hỗ trợ thương mại hóa kết quả KH&CN theo chuỗi: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu chuyển sang giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả KH&CN; hỗ trợ tiền khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo (KNST); hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hợp tác với các doanh nghiệp lớn; trong đó có cả các chính sách về ưu đãi thuế quan và phi thuế quan.

- Bổ sung quy định về mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hóa là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST để thúc đẩy thương mại hóa. Hoàn thiện các công cụ chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST theo hướng quy định các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi về thuế để làm căn cứ đề xuất các chính sách cụ thể trong pháp luật về thuế.

- Quy định về sử dụng kinh phí theo quy định của nhà tài trợ đối với nhiệm vụ KH&CN được tài trợ không từ nguồn NSNN để thúc đẩy hợp tác giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, quỹ đầu tư ngoài NSNN hoặc tài trợ của các tổ chức quốc tế cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; bổ sung quy định cho phép tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ từ nguồn ngoài ngân sách được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ.

- Sửa đổi các nội dung chi NSNN cho phù hợp: bổ sung các mục chi như: chi NSNN cho hoạt động ĐMST, học bổng nghiên cứu cho nghiên cứu sau tiến sĩ; kinh phí cho nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; liên quan đến mua bản quyền xuất bản, quyền

sở hữu sáng chế để hỗ trợ tổ chức/cá nhân dùng chung, đánh giá tổ chức KH&CN, chương trình KH&CN.

- Hoàn thiện quy định về xây dựng kế hoạch, xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng NSNN cho KH,CN&ĐMST để thuận tiện trong triển khai, phù hợp với tiến độ cấp kinh phí. Sửa đổi quy định về khoán chi trong hoạt động nghiên cứu và phát triển.

- Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng (không phân biệt đến từ khu vực công hay khu vực tư nhân).

** Thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp*

- Bổ sung các ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp; tăng cường kết nối doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học. Hình thành một số chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động đổi mới công nghệ. Hoàn thiện quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN có đối tượng tham gia là doanh nghiệp.

- Hình thành một số chương trình mới hỗ trợ và đồng hành với doanh nghiệp trong hoạt động đổi mới công nghệ. Tăng cường nguồn lực đối ứng từ ngân sách để triển khai các dự án ĐMST do doanh nghiệp thực hiện hoặc hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện. Hoàn thiện quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF) để thực hiện có hiệu quả cơ chế tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay đối với các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp KNST.

- Chính sách lưu chuyển nhân lực trình độ cao từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang doanh nghiệp; các chương trình thực tập đối với sinh viên năm cuối, đề tài nghiên cứu sinh và học viên cao học để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp;... Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản trị công nghệ trong doanh nghiệp. Quy định doanh nghiệp được cử nhân lực sang làm việc ở viện nghiên cứu, trường đại học để giới thiệu về kết quả nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện kết quả nghiên cứu và tìm hiểu nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp.

ghệ của doanh nghiệp.

- Bổ sung các chương trình thúc đẩy hoạt động ĐMST: hoạt động ứng dụng công nghệ và tiên bộ kỹ thuật; đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa... Thúc đẩy thành lập doanh nghiệp khởi nguồn (Spin-off) từ sáng chế, công nghệ.

** Tăng cường phổ biến tri thức KH&CN*

Xây dựng các quy định liên quan đến chia sẻ thông tin, cơ chế nuôi dưỡng niềm đam mê KH&CN, văn hóa ĐMST trong cộng đồng. Cụ thể hóa các quy định về truyền thông KH&CN để tăng cường hiệu quả truyền bá thông tin KH&CN. Tạo cơ chế cho các dự án, chương trình, hướng đến mục tiêu lan tỏa tri thức phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đa dạng hóa các phương thức truyền thông, phổ biến tri thức: giáo dục STEM, STEAM cho học sinh; tổ chức các hội nghị, hội thảo; các ngày hội về truyền thông, phổ biến tri thức nhân ngày KH&CN Việt Nam 18/5; quy định các viện nghiên cứu, trường đại học mở cửa phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp tham quan và được hướng dẫn thực hiện hoạt động nghiên cứu; đầu tư nâng cao tiềm lực các tạp chí KH&CN để phổ biến, lan tỏa tri thức; xây dựng bảo tàng khoa học, công viên khoa học với không gian mở; xây dựng cơ sở dữ liệu mở để phổ biến, lan tỏa tri thức, nhất là các kết quả nghiên cứu có tính ứng dụng cao vào đời sống. Đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông về KH, CN & ĐMST. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực KH, CN & ĐMST.

c) Nội dung phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính

** Về phân cấp, phân quyền*

- Hoàn thiện quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN theo hướng phân định, tách biệt loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý các chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia. Hoàn thiện quy định theo hướng Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối tổng hợp các chương trình KH&CN quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để bảo đảm đáp ứng các mục tiêu chung của chương trình KH&CN quốc gia, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST quốc gia. Đối với một số chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia sẽ giao cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì triển khai và quản lý sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở việc tổng hợp, ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, hoàn thiện, bổ sung quy định nguyên tắc quản lý, các bước, quy trình quản lý nhiệm vụ thuộc chương trình, vai trò, mối

quan hệ của Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì chương trình. Giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt đối với một số chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý.

- Bổ sung quy định về phân cấp, phân quyền trong phê duyệt kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dự án ĐMST gắn với trách nhiệm báo cáo, kiểm tra, thanh tra.

- Đơn giản hóa quy trình, thủ tục triển khai quản lý, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên cơ sở hoàn thiện các quy định liên quan đến phê duyệt, ký hợp đồng, cơ chế đặt hàng, đề xuất thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Theo đó, đối với nhiệm vụ KH&CN do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và giao cho đơn vị chuyên môn ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

** Về cải cách thủ tục hành chính*

- Bỏ thủ tục đăng ký hoạt động KH&CN đối với các tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật khác tham gia hoạt động KH&CN (Luật Giáo dục đại học, Luật Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, Luật Doanh nghiệp...) khi tham gia hoạt động KH&CN. Chỉ yêu cầu đăng ký tổ chức KH&CN đối với tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật KH&CN, có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và dịch vụ KH&CN.

- Đơn giản hóa các bước phê duyệt nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, giảm thời gian phê duyệt nhiệm vụ (đề xuất, xác định, tuyển chọn...) theo hướng giảm tải thời gian xét duyệt, yêu cầu, hồ sơ. Làm rõ, đổi mới cách thức triển khai theo hai phương thức: do Nhà nước đặt hàng và do tổ chức, cá nhân đề xuất trên cơ sở định hướng lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước để có cơ chế giao kết quả phù hợp, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN.

- Đơn giản hóa thủ tục ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN. Đối với nhiệm vụ KH&CN do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt sẽ giao cho đơn vị chuyên môn ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN và theo dõi, quản lý, quyết định điều chỉnh các nội dung trong hợp đồng.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Kinh phí dự kiến bảo đảm cho việc thi hành Luật KH,CN&ĐMST sau khi được thông qua chủ yếu gồm: kinh phí xây dựng văn bản quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành Luật, kinh phí tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (chi phí cho in ấn, thông tin đại chúng, phổ biến giáo dục pháp luật...); chi phí triển khai thi hành Luật và chi phí theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất. Nguồn kinh phí triển khai chính sách hỗ trợ ĐMST và khởi nghiệp ĐMST; chi cho hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST; chi cho hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN, dự án ĐMST, tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST; học bổng nghiên cứu sau tiến sĩ; kinh phí cho nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; kinh phí mua bản quyền xuất bản, phần mềm, thiết kế, bản quyền sáng chế để hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân dùng chung; dự án ĐMST, hoạt động ĐMST. Các nguồn kinh phí này nằm trong nguồn ngân sách hằng năm dành cho KH&CN và nguồn kinh phí huy động từ sự đóng góp, đầu tư từ xã hội cho KH,CN&ĐMST.

Về kinh phí cho giải thưởng KH&CN của bộ, ngành, địa phương được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN (như quy định tại Luật KH&CN 2013). Vì vậy, sau khi Luật ban hành, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn tài chính như hiện nay, không phát sinh về kinh phí cho giải thưởng. Các khoản chi này sẽ nằm trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho KH&CN hằng năm và nhiều nội dung đã được Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai trong thực tiễn thông qua các chương trình, nhiệm vụ KH&CN có nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN.

Đối với nguồn nhân lực, điều kiện bảo đảm thi hành luật sau khi được thông qua bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

Về tên Luật

Tại Luật KH&CN năm 2013, thuật ngữ ĐMST đã được định nghĩa là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa (tại Khoản 16 Điều 3). Tuy nhiên, Luật KH&CN 2013 còn thiếu chính sách tổng thể để điều chỉnh, thúc đẩy sự phát

triển của hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST vùng, hệ thống ĐMST ngành trong khi đây là những yếu tố có vai trò thúc đẩy liên kết giữa các thành tố trong hệ thống ĐMST để thúc đẩy kết nối, đưa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trở thành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có giá trị gia tăng và đi vào thị trường. Sau khi rà soát, nghiên cứu, phạm vi điều chỉnh của Luật KH&CN (sửa đổi) được đề xuất mở rộng từ hoạt động KH&CN sang hoạt động KH,CN&ĐMST. Do vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất đổi tên Luật thành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về dự án Luật KH,CN&ĐMST, Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG